

DANH SÁCH RÀ SOÁT, NIÊM YẾT CÔNG KHAI (ĐỢT 2- 2026)
Thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo (đã được công nhận 2025)
được hỗ trợ thu nhập theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng

Phụ lục 01 - Đối tượng đang hưởng các chính sách trợ cấp xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 04)

(Kèm theo Công văn số /UBND-XDNNMT ngày /9/2026 của UBND phường Hải Dương)

STT	Họ và tên	Đối tượng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Tổ dân phố (Cũ)	Tổ dân phố (Mới)	Các chính sách trợ cấp đang được hưởng		Mức hỗ trợ theo Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND		Ghi chú
							Chế độ đang hưởng	Mức hưởng hàng tháng	Mức hỗ trợ thu nhập thêm hàng tháng	Thời gian bắt đầu được hưởng hỗ trợ	
1	Lê Văn Hải	HN	11/30/1949	030049009602	TDP số 27	TDP số 14	Trợ cấp bảo trợ xã hội	1,050,000	950,000	Tháng 1/2026	

Ghi chú:

* Các chữ viết tắt: HN: Hộ nghèo; CN: Cận nghèo; TN: Thoát nghèo; TCN: Thoát cận nghèo

* Đối tượng áp dụng Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 04: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hằng tháng từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2000000

DANH SÁCH RÀ SOÁT, NIÊM YẾT CÔNG KHAI (ĐỢT 2- 2026)
Thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo (đã được công nhận 2025)
được hỗ trợ thu nhập theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng

Phụ lục 02 - Đối tượng thuộc nhóm không có thu nhập hằng tháng (quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 04)

(Kèm theo Công văn số /UBND-XDNNMT ngày /9/2026 của UBND phường Hải Dương)

STT	Họ và tên	Đối tượng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Tổ dân phố (Cũ)	Tổ dân phố (Mới)	Nhóm đối tượng không có thu nhập hằng tháng theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND				Ghi chú
							Đối tượng cụ thể		Mức hỗ trợ thu nhập hằng tháng	Thời gian bắt đầu được hưởng hỗ trợ	
1	Phạm Thị Phụng	TCN	8/4/1960	030160004305	TDP số 3	TDP số 2	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2,000,000	1/1/2026	
2	Lê Văn Hương	TN	12/24/1951	033051003172	TDP số 6	TDP số 5	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2,000,000	1/1/2026	
3	Đặng Thị Thúy	TCN	9/17/1969	030169013626	TDP số 8	TDP số 7	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2,000,000	1/1/2026	
4	Trần Thị Khuê	TCN	4/5/1952	030152014551	TDP số 12	TDP số 9	Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2,000,000	1/1/2026	
5	Lê Việt Anh	CN	6/26/2008	030208013816	TDP số 13		Theo điểm d	Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng không quá 22 tuổi, đang đi học	2,000,000	1/1/2026	- Từ tháng 1 đến tháng 6/2026 học THPT - Từ tháng 8 học đại học
6	Phạm Văn Lịch	TN	12/26/1974	030074017430	TDP số 13		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2,000,000	1/1/2026	
7	Phạm Thị Út	TCN	10/5/1955	030155010501	TDP số 29	TDP số 16	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2,000,000	4/1/2026	Bệnh án tháng 4/2026

STT	Họ và tên	Đối tượng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Tổ dân phố (Cũ)	Tổ dân phố (Mới)	Nhóm đối tượng không có thu nhập hằng tháng theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND			Ghi chú
							Đối tượng cụ thể	Mức hỗ trợ thu nhập hằng tháng	Thời gian bắt đầu được hưởng hỗ trợ	

Ghi chú:

- * Các chữ viết tắt: HN: Hộ nghèo; CN: Cận nghèo; TN: Thoát nghèo; TCN: Thoát cận nghèo
- * Đối tượng áp dụng Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 04: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 không có thu nhập hằng tháng (tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và các khoản trợ cấp khác từ ngân sách nhà nước) thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Người bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo quy định tại Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYTBLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp.
- b) Người mắc bệnh hiểm nghèo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo. Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- c) Trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận giai đoạn 2026-2030.
- d) Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất được hưởng chính sách hỗ trợ cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.
- đ) Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên thuộc một trong các trường hợp sau:
- Không có vợ, chồng, con (bao gồm cả các trường hợp: có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn; có vợ, chồng, con nhưng những người này đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật).
 - Có vợ hoặc chồng và không có con (bao gồm cả trường hợp có con nhưng con đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật).
 - Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp: đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hằng tháng tại cộng đồng; đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; con dưới 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi đến không quá 22 tuổi đang trong thời gian học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này.

--	--

